UBND HUYỆN BÙ ĐĂNG **HĐTD VIÊN CHỨC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**
Số: 76 /TB-HĐTDVC	*Bù Đăng, ngày 16 tháng 5 năm 2016*

THÔNG BÁO
Kết quả điểm tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ về Quy chế thi tuyển, xét tuyển viên chức; Quy chế thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức và Nội quy kỳ thi tuyển thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;

Căn cứ Quyết định số 120/QĐ-SNV ngày 21/01/2016 của Sở Nội vụ về việc phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo huyện Bù Đăng năm học 2015 - 2016;

Căn cứ Thông báo số 14/TB-UBND ngày 25/01/2016 của UBND huyện về việc tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo năm học 2015 - 2016;

Hội đồng tuyển dụng viên chức thông báo kết quả điểm tuyển dụng viên chức như sau:

1. Kết quả điểm tuyển dụng: Có danh sách kèm theo.

2. Phúc khảo điểm tuyển dụng

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày Hội đồng tuyển dụng công bố công khai kết quả điểm tuyển dụng, người dự tuyển có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo điểm tuyển dụng.

- **Địa điểm nhận đơn:** Phòng Nội vụ.

- **Thời gian nhận đơn:** Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần.

+ Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút.

+ Buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ 30 phút.

- Lưu ý: Hội đồng tuyển dụng viên chức không giải quyết phúc khảo đối với các đơn đề nghị phúc khảo nhận được sau thời hạn nêu trên và các đơn đề nghị phúc khảo bằng thư điện tử, fax.

- Thông báo này được niêm yết công khai tại trụ sở UBND huyện và đăng trên trang thông tin của huyện, địa chỉ http://budang.binhphuoc.gov.vn

- Mọi thắc mắc xin liên hệ trực tiếp về Hội đồng tuyển dụng viên chức thông qua phòng Nội vụ (số điện thoại 06513.975.974 hoặc 06513.975.669) để được hướng dẫn.

Trên đây là Thông báo kết quả điểm tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo./.

Nơi nhận:
- Sở Nội vụ;
- CT, Phó CT VH-XH;
- Thành viên HĐTDVC;
- Niêm yết bảng;
- Đăng Wed: http://budang.binhphuoc.gov.vn;
- Lưu: VT, HĐTDVC.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Nguyễn Thanh Bình

UBND HUYỆN BÙ ĐĂNG
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ ĐIỂM TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
DỰ TUYỂN VÀO VỊ TRÍ VIỆC LÀM GIÁO VIÊN MẦM NON

(Kèm theo Thông báo số ...76.../TB-HĐTDVC ngày .16...tháng .5...năm 2016)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm thực hành	Tổng điểm	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	Lê Thị Quế	Anh	20/11/1993	Nữ	Kinh	Đức Phong - Bù Đăng - Bình Phước	SP Mầm non	Trung cấp	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	68,63	65	36,25	206,13	Không đạt
2	Bàn Thị	Anh	24/08/1995	Nữ	Dao	Đăng Hà - Bù Đăng - Bình Phước	SP Mầm non	Trung cấp	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	7;11	72	77	14	177	Không đạt
3	Nông Thị	Bài	27/09/1989	Nữ	Nùng	Đăng Hà - Bù Đăng - Bình Phước	SP Mầm non	Trung cấp	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	7;11	73	63	15,5	167	Không đạt
4	Nông Ngọc	Bích	21/09/1993	Nữ	Tày	Bình Minh - Bù Đăng - Bình Phước	SP Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	7;11	68,36	75	20	183,36	Không đạt
5	Nguyễn Thị Kim	Chi	31/03/1994	Nữ	Kinh	Hương Lâm - Đà Tẻh - Lâm Đồng	SP Mầm non	Trung cấp	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	73	86	21	201	Không đạt
6	Trần Thị Thuý	Diễm	11/08/1995	Nữ	Kinh	Đoàn Kết - Bù Đăng - Bình Phước	SP Mầm non	Trung cấp	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	71	78	31,25	211,5	Không đạt
7	Phạm Thị Thuý	Diễm	23/01/1996	Nữ	Kinh	Đoàn Kết - Bù Đăng - Bình Phước	SP Mầm non	Trung cấp	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	68	81	50	249	Đạt
8	Đỗ Thị	Điệp	02/09/1994	Nữ	Kinh	Nghĩa Bình - Bù Đăng Bình Phước	SP Mầm non	Trung cấp	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	73	82	19,75	194,5	Không đạt
9	Bàn Thị	Đoan	22/02/1986	Nữ	Dao	Bình Minh - Bù Đăng - Bình Phước	SP Mầm non	Trung cấp	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	7;11	74	77	26	203	Không đạt
10	Võ Thị Thuỳ	Dung	12/09/1992	Nữ	Kinh	Phú Sơn - Bù Đăng - Bình Phước	SP Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	67,9	67,9	53	241,8	Đạt
11	Nguyễn Thị	Dung	05/09/1993	Nữ	Kinh	Hải Nhân - Tĩnh Gia - Thanh Hoá	SP Mầm non	Trung cấp	Chính quy	Trường Trung cấp Tổng hợp Hà Nội	11	77	77	37	228	Không đạt

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm thực hành	Tổng điểm	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
12	Thị	Giá	30/12/1992	Nữ	S'tiêng	Đồng Nai - Bù Đăng - Bình Phước	SP Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	7;11	67,03	65	26	184,03	Không đ
13	Trần Thị	Hằng	20/11/1990	Nữ	Kinh	Thống Nhất - Bù Đăng - Bình Phước	SP Mầm non	Trung cấp	Chính quy	Trường Cao đẳng sư phạm Hà Nội	11	74	78	13	178	Không đ
14	Lê Thị Ngọc	Hiền	06/09/1994	Nữ	Kinh	Thống Nhất - Bù Đăng - Bình Phước	SP Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Chính quy	Trường CĐSP Trung ương Hồ Chí Minh	11	71	71	47,75	237,5	Không đ
15	Phạm Thu	Hiền	09/10/1994	Nữ	Kinh	Đức Phong - Bù Đăng - Bình Phước	SP Mầm non	Trung cấp	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	69	80	57,5	264	Đạt
16	Hoàng Thị	Hiền	02/11/1994	Nữ	Kinh	Thanh Sơn - Đ ịnh Quán - Đồng Nai	SP Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	69,15	90	0	159,15	Không đ (Vắng)
17	Doanh Thị	Hiền	02/09/1993	Nữ	Tày	Đường 10 - Bù Đăng - Bình Phước	SP Mầm non	Trung cấp	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	7;11	74	82	13	182	Không đ
18	Lê Thị	Hoa	12/07/1994	Nữ	Kinh	Bom Bo - Bù Đăng - Bình Phước	SP Mầm non	Trung cấp	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	72	72	18,5	181	Không đ
19	Nông Thị	Hoa	28/09/1992	Nữ	Tày	Đăng Hà - Bù Đăng - Bình Phước	SP Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	7;11	69,39	75	8	160,39	Không đ
20	Nguyễn Thị Thanh	Hồng	13/05/1992	Nữ	Kinh	Minh Hưng - Bù Đăng Bình Phước	SP Mầm non	Trung cấp	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	74	82	37	230	Không đ
21	Vũ Thị	Huế	03/02/1994	Nữ	Kinh	Đăng Hà - Bù Đăng - Bình Phước	SP Mầm non	Trung cấp	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	76	85	44	249	Không đ
22	Lục Thị	Huệ	05/06/1994	Nữ	Nùng	Đăng Hà - Bù Đăng - Bình Phước	SP Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	7;11	65,03	70	9,25	153,53	Không đ
23	Trương Thị	Hương	30/12/1993	Nữ	Kinh	Đức Phong - Bù Đăng - Bình Phước	SP Mầm non	Trung cấp	Chính quy	Trường cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Quảng Nam	11	82	83	22	209	Không đ
24	Thị	Hương	09/02/1993	Nữ	M'nông	Đak Nhau - Bù Đăng - Bình Phước	SP Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	7;11	71,57	75	18	182,57	Không đ
25	Trịnh Thị	Hương	04/04/1984	Nữ	Kinh	Bom Bo - Bù Đăng - Bình Phước	SP Mầm non	Trung cấp	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	75	82	34,5	226	Không đ

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm thực hành	Tổng điểm	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
26	Nông Thị	Hương	26/01/1993	Nữ	Nùng	Đăng Hà - Bù Đăng - Bình Phước	SP Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	7;11	69,57	65	10,5	155,57	Không đạt
27	Điểu Thị	Huyền	25/10/1992	Nữ	S'tiêng	Đức Phong - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Mầm non	Đại học	Chính quy	Trường đại học Sài Gòn	7;11	74,8	74,8	43	235,6	Không đạt
28	Kim Thị	Huyền	28/07/1992	Nữ	Kinh	Đăng Hà - Bù Đăng - Bình Phước	SP Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	7;11	72,72	75	18	183,72	Không đạt
29	Điểu Thị Diệp	Lan	07/06/1995	Nữ	S'tiêng	Bình Minh - Bù Đăng - Bình Phước	SP Mầm non	Trung cấp	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	7;11	70	75	46	237	Không đạt
30	Thị	Lanh	1992	Nữ	M'nông	Thọ Sơn - Bù Đăng - Bình Phước	SP Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	7;11	63,81	65	9,5	147,81	Không đạt
31	Lương Thị	Liễu	29/08/1992	Nữ	Nùng	Đăng Hà - Bù Đăng - Bình Phước	SP Mầm non	Trung cấp	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	7;11	72	75	30	207	Không đạt
32	Bùi Thị Thanh	Loan	14/03/1981	Nữ	Mường	Bình Minh - Bù Đăng - Bình Phước	SP Mầm non	Trung cấp	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	7;11	77	82	18	195	Không đạt
33	Hoàng Thị	Loan	23/11/1995	Nữ	Tày	Bằng Mạc - Chi Lăng - Lạng Sơn	SP Mầm non	Trung cấp	Chính quy	Trường CĐSP Lạng Sơn	7;11	73	77	36,5	223	Không đạt
34	Nguyễn Thị	Lý	01/06/1989	Nữ	Kinh	Phú Sơn - Bù Đăng - Bình Phước	SP Mầm non	Trung cấp	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	66	73	13,5	166	Không đạt
35	Nguyễn Thị Hải	Lý	15/09/1993	Nữ	Kinh	Minh Hưng - Bù Đăng Bình Phước	SP Mầm non	Trung cấp	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	71	70	39	219	Không đạt
36	Nguyễn Thị	Nga	02/06/1993	Nữ	Kinh	Thọ Sơn - Bù Đăng - Bình Phước	SP Mầm non	Trung cấp	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	71	89	26,5	213	Không đạt
37	Nguyễn Thị	Nga	16/10/1995	Nữ	Kinh	Minh Hưng - Bù Đăng Bình Phước	SP Mầm non	Trung cấp	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	69	76	45,5	236	Không đạt
38	Trịnh Thị	Nga	25/08/1995	Nữ	Kinh	Minh Hưng - Bù Đăng Bình Phước	SP Mầm non	Trung cấp	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	72	80	5,5	163	Không đạt
39	Nguyễn Thị	Ngân	12/12/1992	Nữ	Kinh	Đức Liễu - Bù Đăng - Bình Phước	SP Mầm non	Trung cấp	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	76	77	34	221	Không đạt

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm thực hành	Tổng điểm	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
40	Nông Thị Kim	Ngân	15/06/1993	Nữ	Tày	Thống Nhất - Bù Đăng - Bình Phước	SP Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	7;11	70,9	70	27,5	195,9	Không đạ
41	Vũ Thị	Ngụ	10/10/1973	Nữ	Kinh	Thọ Sơn - Bù Đăng - Bình Phước	SP Mầm non	Trung cấp	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	72	83	21	197	Không đạ
42	Đoàn Thị Minh	Nguyệt	06/11/1992	Nữ	Kinh	Phước Sơn - Bù Đăng - Bình Phước	SP Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	68,66	80	17	182,66	Không đạ
43	Phí Thị Ánh	Nguyệt	14/02/1990	Nữ	Kinh	Đức Phong - Bù Đăng - Bình Phước	SP Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	67,66	70	27,5	192,66	Không đạ
44	Nguyễn Thị	Nguyệt	18/05/1981	Nữ	Kinh	Phước Sơn - Bù Đăng - Bình Phước	SP Mầm non	Trung cấp	VLVH	Trường đại học Đồng Nai	11	63	63	51,125	228,25	Đạt
45	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	28/10/1993	Nữ	Kinh	Đak Nhau - Bù Đăng - Bình Phước	SP Mầm non	Trung cấp	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	70	82	55,75	263,5	Đạt
46	Hồ Thị Thanh	Nhàn	17/09/1993	Nữ	Kinh	Thọ Sơn - Bù Đăng - Bình Phước	SP Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	63,87	50	12,375	138,62	Không đạ
47	Điểu Thị	Nhì	20/09/1993	Nữ	M'nông	Bù Dốt - Bù Gia Mập - Bình Phước	SP Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	7;11	63,33	50	0	113,33	Không đạ (Vắng)
48	Đồng Thị	Nhung	19/06/1993	Nữ	Tày	Đak Nhau - Bù Đăng - Bình Phước	SP Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	7;11	67,93	60	43	213,93	Không đạ
49	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	25/10/1989	Nữ	Kinh	Nhơn Thành - An Nhơn - Bình Định	SP Mầm non	Trung cấp	Chính quy	Trường Cao đẳng Bình Định	11	73	65	21,5	181	Không đạ
50	Hoàng Thị	Ny	05/04/1992	Nữ	Kinh	Đức Phong - Bù Đăng - Bình Phước	SP Mầm non	Trung cấp	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	69	80	12,625	174,25	Không đạ
51	Hồ Thị Hồng	Phúc	07/12/1988	Nữ	Kinh	Đăng Hà - Bù Đăng - Bình Phước	SP Mầm non	Trung cấp	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	71	80	14	179	Không đạ
52	H	Phương	05/04/1992	Nữ	M'nông	Trường Xuân - Đắk Song - Đắk Nông	SP Mầm non	Trung cấp	Chính quy	Trường Cao đẳng sư phạm Trung ương	7;11	72	70	5,25	152,5	Không đạ
53	Lục Thị Kim	Phượng	23/08/1994	Nữ	Nùng	Phước Cát 1 - Cát Tiên - Lâm Đồng	SP Mầm non	Trung cấp	Chính quy	Trường đại học Sài Gòn	7;11	76	77	33,25	219,5	Không đạ

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm thực hành	Tổng điểm	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
54	Nguyễn Thị	Quỳnh	08/03/1994	Nữ	Kinh	Đức Phong - Bù Đăng Bình Phước	SP Mầm non	Trung cấp	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	72	78	21,375	192,75	Không đạt
55	Nguyễn Thị	Tâm	29/04/1993	Nữ	Kinh	Đăng Hà - Bù Đăng - Bình Phước	SP Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	68,12	75	46,75	236,62	Không đạt
56	Nghiêm Thị	Thắm	02/03/1991	Nữ	Kinh	Đức Liễu - Bù Đăng - Bình Phước	SP Mầm non	Trung cấp	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	73	71	10,25	164,5	Không đạt
57	Trần Thị	Thảo	20/08/1995	Nữ	Kinh	Nghĩa Bình - Bù Đăng Bình Phước	SP Mầm non	Trung cấp	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	75	80	37,5	230	Không đạt
58	Lê Thị Thu	Thảo	15/05/1993	Nữ	Kinh	Đức Phong - Bù Đăng Bình Phước	SP Mầm non	Trung cấp	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	72	63	6,75	148,5	Không đạt
59	Tô Thị	Thu	21/03/1993	Nữ	Nùng	Đăng Hà - Bù Đăng - Bình Phước	SP Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	7;11	69,45	65	11,5	157,45	Không đạt
60	Nguyễn Ngọc	Thuý	01/07/1994	Nữ	Kinh	Minh Hưng - Bù Đăng Bình Phước	SP Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	65,75	55	15,25	151,25	Không đạt
61	Lưu Thị	Thuý	18/03/1993	Nữ	Kinh	Minh Hưng - Bù Đăng Bình Phước	SP Mầm non	Trung cấp	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	70	83	19	191	Không đạt
62	Nguyễn Thị Phương	Thuỳ	02/04/1995	Nữ	Kinh	Tân Thiện - Đồng Xoài - Bình Phước	SP Mầm non	Trung cấp	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	77	73	28	206	Không đạt
63	Nguỵ Thị	Thuỷ	08/09/1993	Nữ	Tày	Bom Bo - Bù Đăng - Bình Phước	SP Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	7;11	65,93	65	29	188,93	Không đạt
64	Nguyễn Thị Thu	Thuỷ	12/01/1991	Nữ	Kinh	Đoàn Kết - Bù Đăng - Bình Phước	SP Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	64,8	64,8	40,5	210,6	Không đạt
65	Hứa Thị Linh	Trang	11/07/1995	Nữ	Kinh	Đoàn Kết - Bù Đăng - Bình Phước	SP Mầm non	Trung cấp	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	75	88	52,5	268	Đạt
66	Huỳnh Thị Huyền	Trang	27/07/1993	Nữ	Kinh	Minh Hưng - Bù Đăng Bình Phước	SP Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	67,42	80	29,5	206,42	Không đạt
67	Bùi Thị Huyền	Trang	28/04/1994	Nữ	Kinh	Đồng Tiến - Đồng Phú Bình Phước	SP Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	72,42	70	31,5	205,42	Không đạt

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm thực hành	Tổng điểm	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
68	Bùi Thị Thu	Trang	19/12/1995	Nữ	Kinh	Minh Hưng - Bù Đăng Bình Phước	SP Mầm non	Trung cấp	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	69	73	31,5	205	Không đạ
69	Nguyễn Vương Cẩm	Tú	01/03/1994	Nữ	Kinh	Minh Hưng - Bù Đăng Bình Phước	SP Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	68,18	50	28	174,18	Không đạ
70	Nguyễn Thị	Tươi	15/07/1994	Nữ	Kinh	Đức Liễu - Bù Đăng - Bình Phước	SP Giáo dục Mầm non	Trung cấp	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	64	57	22,5	166	Không đạ
71	Hoàng Thị	Tuyến	15/08/1990	Nữ	Hoa	Đức Liễu - Bù Đăng - Bình Phước	SP Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	7,11	72,1	72,1	50,5	245,2	Đạt
72	Nông Thị	Tuyến	25/11/1992	Nữ	Tày	Gia Viễn - Cát Tiên - Lâm Đồng	SP Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	7;11	69,69	75	31,5	207,69	Không đạ
73	Nguyễn Thị	Tuyết	10/06/1986	Nữ	Kinh	Quốc Oai - Đà Tẻh - Lâm Đồng	SP Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	68,42	80	0	148,42	Không đạ (Vắng)
74	Nguyễn Thị	Tuyết	09/08/1989	Nữ	Kinh	Minh Hưng - Bù Đăng Bình Phước	SP Mầm non	Trung cấp	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	69	80	30	209	Không đạ
75	Thị	Wơh	07/06/1991	Nữ	M'nông	Thọ Sơn - Bù Đăng - Bình Phước	SP Mầm non	Trung cấp	Chính quy	Trường Trung cấp Bách khoa Bình Dương	7;11	72	70	17	176	Không đạ
76	Bùi Thị Như	Ý	08/06/1992	Nữ	Kinh	Nghĩa Trung - Bù Đăng - Bình Phước	SP Mầm non	Trung cấp	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	82	94	35,5	247	Không đạ
77	Nguyễn Thị Hải	Yến	02/09/1994	Nữ	Kinh	Đoàn Kết - Bù Đăng - Bình Phước	SP Mầm non	Trung cấp	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	69	84	35,5	224	Không đạ
78	Nguyễn Thị Hải	Yến	10/08/1992	Nữ	Kinh	Đoàn Kết - Bù Đăng - Bình Phước	SP Mầm non	Trung cấp	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	68	86	14,5	183	Không đạ

Danh sách này có 78 thí sinh.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

UBND HUYỆN BÙ ĐĂNG
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ ĐIỂM TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
DỰ TUYỂN VÀO VỊ TRÍ VIỆC LÀM GIÁO VIÊN TIỂU HỌC

(Kèm theo Thông báo số 76/TB-HĐTDVC ngày 16 tháng 5 năm 2016)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm thực hành	Tổng điểm	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*14*
1	Hoàng Thị	An	02/09/1990	Nữ	Tày	Thống Nhất - Bù Đăng Bình Phước	Sư phạm giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	Chính quy	Trường Cao đẳng Hải Dương	7,11	80,6	76,7	33,5	224,3	Không đạt
2	Nguyễn Thị	Anh	30/01/1988	Nữ	Kinh	Bình Minh - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	67,07	80	25	197,07	Không đạt
3	Lê Thị Hoài	Anh	15/7/1993	Nữ	Kinh	Đak Nhau - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	Chính quy	Trường Cao đẳng Hải Dương	11	81,5	81,5	28	219	Không đạt
4	Đinh Thị	Cảnh	02/01/1994	Nữ	Kinh	Ea Rốk - Ea Súp - Đắk Lắk	Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	Chính quy	Trường CĐSP Đắk Lắk	11	79	62	10	161	Không đạt
5	Lục Sỹ	Chức	01/01/1991	Nam	Nùng	Thống Nhất - Bù Đăng Bình Phước	Sư phạm giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	Chính quy	Trường Cao đẳng Hải Dương	7	77,2	80	32,5	222,2	Không đạt
6	Dương Thị Ngọc	Diệu	14/06/1993	Nữ	Kinh	Nghĩa Trung - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	Chính quy	Trường Cao đẳng sư phạm Bình Phước	11	70,95	80	70,25	291,45	Đạt
7	Bùi Thị	Duyên	02/07/1989	Nữ	Kinh	Tân Phú - Đồng Xoài - Bình Phước	Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	Chính quy	Trường Đại học Hùng Vương	11	75	81,66	97,25	351,16	Đạt
8	Nông Thị	Duyến	17/02/1980	Nữ	Tày	Thượng Quan - Ngân Sơn - Bắc Kạn	Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	Chính quy	Trường CĐSP Hà Tây	7;11	80	77	0	157	Không đạt (Vắng)
9	Nguyễn Thị Ngọc	Hằng	02/09/1991	Nữ	Kinh	Tân Xuân - Đồng Xoài Bình Phước	Sư phạm giáo dục Tiểu học	Đại học	Chính quy	Trường đại học sư phạm TP Hồ Chí Minh	11	72,75	72,75	0	145,5	Không đạt (Vắng)
10	Trần Thị	Hạnh	15/02/1990	Nữ	Kinh	Phú Sơn - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Chính quy	Trường CĐSP Bắc Ninh	11	71	68	34,5	208	Không đạt
11	Hoàng Thị Ngọc	Hiền	02/02/1993	Nữ	Kinh	Bình Thắng - Bù Gia Mập - Bình Phước	Sư phạm giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	Chính quy	Trường Cao đẳng sư phạm Bình Phước	11	73,5	80	54	261,5	Đạt
12	Trần Thị	Hồng	02/9/1991	Nữ	Kinh	Nghĩa Trung - Bù Đăng -Bình Phước	Sư phạm giáo dục Tiểu học	Đại học	Chính quy	Trường ĐH Hồng Đức	11	72,1	72,1	32	208,2	Không đạt
13	Mã Thị	Huế	28/07/1993	Nữ	Tày	Đường 10 - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	Chính quy	Trường Cao đẳng sư phạm Bình Phước	7,11	71,78	75	16	178,78	Không đạt

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm thực hành	Tổng điểm	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*14*
14	Nông Thị	Huế	24/8/1989	Nữ	Tày	Đường 10 - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Chính quy	Trường Cao đẳng Công đồng Bắc Kạn	7,11	66	83	0	149	Không đạt (Vắng)
15	Bùi Thị	Hương	20/02/1989	Nữ	Kinh	Thọ Sơn - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm giáo dục Tiểu học	Đại học	Chính quy	Trường ĐH sư phạm Hà Nội	6;11	74,48	70	37	218,48	Không đạt
16	Cổ Lan	Hương	09/5/1993	Nữ	Nùng	Thống Nhất - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	7;11	67,45	70	21,5	180,45	Không đạt
17	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	03/06/1995	Nữ	Kinh	Cưni - Eakar - Đắk Lắk	Sư phạm giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Chính quy	Trường Cao đẳng Hải Dương	11	75	77	33	218	Không đạt
18	Nguyễn Thị	Kiệm	20/8/1993	Nữ	Kinh	Cẩm Thành - Cẩm Xuyên - Hà Tĩnh	Sư phạm giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	Chính quy	Trường CĐSP Bắc Ninh	11	74	74	92,5	333	Đạt
19	Hoàng Văn	Kiên	16/11/1988	Nam	Nùng	Tân Tiến - Bù Đốp - Bình Phước	Sư phạm giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Chính quy	Trường CĐSP Thái Bình	7	69	70	34,5	208	Không đạt
20	Lương Thị Hương	Lan	26/05/1989	Nữ	Tày	Đak Nhau - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Chính quy	Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nam	7,11	68	86	38,25	230,5	Không đạt
21	Đặng Thị	Linh	10/11/1993	Nữ	Kinh	Kiến Đức - Đắk Rlấp - Đắk Nông	Sư phạm giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Chính quy	Trường Cao đẳng Hải Dương	11	80	83	0	163	Không đạt (Vắng)
22	Nguyễn Đức	Luân	27/07/1987	Nam	Kinh	Đak Nhau - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Chính quy	Trường cao đẳng sư phạm Hà Nội		76	57	78,5	290	Đạt
23	Mai Thị	Nhạn	24/12/1988	Nữ	Kinh	Thác Mơ - Phước Long - Bình Phước	Sư phạm Tiểu học	Cao đẳng	Chính quy	Trường Cao đẳng sư phạm Bình Phước	11	67,64	65	0	132,64	Không đạt (Vắng)
24	Đinh Thị	Nhật	10/05/1990	Nữ	Tày	Nghĩa Trung - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	Chính quy	Trường Cao đẳng sư phạm Bắc Ninh	7,11	72,64	70	64,5	271,64	Đạt
25	Nông Thị	Nhau	30/10/1993	Nữ	Nùng	Đăng Hà - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	7;11	68,54	70	92,5	323,54	Đạt
26	Trịnh Thị	Nhung	02/12/1994	Nữ	Kinh	Đoàn Kết - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	70,76	80	32,5	215,76	Không đạt
27	Trương Thị Kiều	Oanh	20/9/1992	Nữ	Kinh	Minh Hưng - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	72,1	80	35,75	223,6	Không đạt
28	Nguyễn Hùng	Phước	26/03/1993	Nam	Kinh	Hóa Thanh - Minh Hoá - Quảng Bình	Sư phạm giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	Chính quy	Trường Cao đẳng Hải Dương		75,8	75,8	33,5	218,6	Không đạt
29	Bùi Bích	Phương	18/02/1990	Nữ	Mường	Eatlinh - Cư Jút - Đak Nông	Sư phạm Tiểu học	Cao đẳng	Chính quy	Trường Đại học Hải Phòng	7,11	74,6	74,6	28,5	206,2	Không đạt
30	Lại Thị	Phượng	16/12/1992	Nữ	Kinh	Thống Nhất - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	68,66	65	50	233,66	Đạt

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm thực hành	Tổng điểm	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*14*
31	Đinh Văn	Quân	02/07/1986	Nam	Tày	Bom Bo - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Chính quy	Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Nguyên	7	65	73	28	194	Không đạt
32	Lê Thị	Tâm	12/01/1993	Nữ	Kinh	Bình Minh - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	Chính quy	Trường ĐH Thủ Dầu Một	11	63	63	20,5	167	Không đạt
33	Đỗ Thị	Thanh	28/01/1992	Nữ	Kinh	Kiến Đức - Đắk Rlấp - Đắk Nông	Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	Chính quy	Trường Cao đẳng Hải Dương	11	83	90	44,5	262	Không đạt
34	Phạm Văn	Thanh	05/02/1990	Nam	Kinh	Đak Nhau - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	Chính quy	Trường Cao đẳng Hải Dương		85,8	85,8	41,5	254,6	Không đạt
35	Hoàng Thị	Thảo	20/07/1992	Nữ	Tày	Đường 10 - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	Chính quy	Trường Cao đẳng Tuyên Quang	7,11	74,44	82,5	46,5	249,94	Không đạt
36	Huỳnh Thị Ngọc	Thúy	14/10/1992	Nữ	Kinh	Đức Phong - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	66,07	65	60	251,07	Đạt
37	Hà Thị	Trang	16/02/1994	Nữ	Kinh	Bom Bo - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	66,87	85	32,25	216,37	Không đạt
38	Võ Thị Hồng	Trinh	20/11/1991	Nữ	Kinh	Đồng Nai - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	Chính quy	Trường Cao đẳng sư phạm Bình Phước	11	71,46	80	65	281,46	Đạt
39	Nguyễn Văn	Tuy	20/8/1985	Nam	Kinh	Đắk Ru - Đắk rlấp - Đắk Nông	Sư phạm giáo dục Tiểu học	Cao đẳng	Chính quy	Trường Cao đẳng Hải Dương	10	72,4	70	50,5	243,4	Đạt
40	Phạm Thị	Vẹn	28/3/1991	Nữ	Kinh	Đức Phong - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm giáo dục Tiểu học	Đại học	Chính quy	Trường ĐHSP TP Hồ Chí Minh	11	69,5	69,5	42	223	Không đạt
41	Nguyễn Thị Hải	Yến	05/10/1995	Nữ	Kinh	Ea Uy - Krông Pắc - Đắk Lắk	Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	Chính quy	Trường CĐSP Đắk Lắk	11	73	65	66	270	Đạt

Danh sách này có 41 thí sinh.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH

U.B.N.D HUYỆN BÙ ĐĂNG TỈNH BÌNH PHƯỚC

Nguyễn Thanh Bình

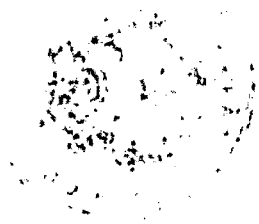

UBND HUYỆN BÙ ĐĂNG
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ ĐIỂM TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
DỰ TUYỂN VÀO VỊ TRÍ VIỆC LÀM GIÁO VIÊN NGỮ VĂN THCS

(Kèm theo Thông báo số ...76.../TB-HĐTDVC ngày ..16..tháng ..5...năm 2016)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm thực hành	Tổng điểm	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	Đinh Thị	Bích	11/10/1992	Nữ	Kinh	Đồng Nai - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Ngữ Văn - LS	Cao đẳng	Chính quy	Trường Cao đẳng sư phạm Bắc Ninh	11	71,8	77,5	41	231,3	Không đạt
2	Nguyễn Thị	Diễm	03/03/1984	Nữ	Kinh	Đông Lĩnh - TP. Thanh Hóa - Thanh Hóa	Cử nhân khoa học - Ngữ văn (Có chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm)	Đại học	Tại chức	Trường Đại học Vinh	11	62,2	60	15,75	153,7	Không đạt
3	Nguyễn Thị Thùy	Dương	04/10/1994	Nữ	Kinh	Tân Đồng - Đồng Xoài - Bình Phước	Sư phạm Ngữ Văn	Cao đẳng	Chính quy	Trường CĐSP Thái Bình	11	80,2	87	17,5	202,2	Không đạt
4	Đỗ Thị	Hà	09/09/1991	Nữ	Kinh	Ea Rốk - Ea Súp - Đắk Lắk	Sư phạm Ngữ Văn	Cao đẳng	Chính quy	Trường CĐSP Đắk Lắk	11	75,5	75,5	18,75	188,5	Không đạt
5	Phan Thị Mỹ	Hằng	28/08/1989	Nữ	Kinh	Dliê yang - Eah'leo - Đắk Lắk	Cử nhân Ngữ văn (có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)	Đại học	Chính quy	Trường đại học sư phạm TP. Hồ Chí Minh	11	64,34	65	0	129,34	Không đạt (Vắng)
6	Phạm Thị	Huyền	10/10/1991	Nữ	Kinh	Đắk Rla - Đắk MiL - Đắk Nông	Cử nhân văn học (có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)	Đại học	Chính quy	Trường Đại học Tây nguyên	11	76	76	33,5	219	Không đạt
7	Trương Thị	Lan	12/06/1993	Nữ	Kinh	Thành Trực - Thạch Thành - Thanh Hóa	Sư phạm Ngữ Văn	Đại học	Chính quy	Trường Đại học Hồng Đức	11	75,3	75,3	66,25	283,1	Đạt
8	Trương Thị Thu	Liễu	12/12/1992	Nữ	Tày	Đăng Hà - Bù Đăng - Bình Phước	Cử nhân văn học (có giấy chứng nhận nghiệp vụ sư phạm)	Đại học	Chính quy	Trường Đại học Đà Lạt	7;11	70,7	70,7	50,75	242,9	Đạt
9	Nguyễn Thị	Linh	18/02/1993	Nữ	Kinh	TT EaKnốp - Ea Kar - Đắk Lắk	Sư phạm Ngữ Văn	Đại học	Chính quy	Trường Đại học Quy Nhơn	11	74,3	74,3	45,125	238,85	Không đạt
10	Nguyễn Ánh Khánh	Linh	28/11/1993	Nữ	Kinh	Minh Hưng - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Ngữ Văn	Cao đẳng	Chính quy	Trường Đại học Thủ Dầu Một	11	70,9	70,9	35	211,8	Không đạt
11	Cao Thị	Luyên	05/10/1990	Nữ	Sách	Hóa Sơn - Minh Hóa - Quảng Bình	Sư phạm Ngữ Văn	Đại học	Chính quy	Trường ĐHSP - đại học Huế	7;11	72,14	80,14	50,125	252,53	Đạt
12	Đỗ Thị Minh	Luyến	20/11/1990	Nữ	Kinh	Yên Từ - Yên Mô - Ninh Bình	Sư phạm Ngữ Văn	Đại học	Chính quy	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	11	75	70	0	145	Không đạt (Vắng)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm thực hành	Tổng điểm	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
13	Đặng Văn	Quỳnh	09/10/1992	Nam	Kinh	Vĩnh Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	Sư phạm Ngữ Văn	Cao đẳng	Chính quy	Trường Đại học Quảng Bình	10	72,9	72,9	37	219,8	Không đạt
14	Trần Thị Bích	Thảo	10/10/1989	Nữ	Kinh	Tiến Hoá - Tuyên Hóa - Quảng Bình	Thạc sĩ Văn học Việt Nam (có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)	Cao học	Tập trung	Trường Đại học Sư phạm Huế	6;11	81,4	93	84	342,4	Đạt
15	Nguyễn Thị Thu	Thảo	10/12/1988	Nữ	Tày	Bom Bo - Bù Đăng - Bình Phước	Cử nhân văn học (có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)	Đại học	Chính quy	Trường Đại học KHXH và NV TP Hồ Chí Minh	7;11	70	70	50	240	Đạt
16	Lê Thị Bích	Thủy	25/10/1994	Nữ	Kinh	Nam Hóa - Tuyên Hóa - Quảng Bình	Sư phạm Ngữ Văn	Cao đẳng	Chính quy	Trường Đại học Quảng Bình	11	70,8	70,8	94,5	330,6	Đạt
17	Đỗ Văn	Vương	08/04/1988	Nam	Kinh	TT Đắk MiL - Đắk MiL - Đắk Nông	Sư phạm Ngữ Văn	Đại học	Chính quy	Trường Đại học Tây nguyên	10	76,8	76,8	57,5	268,6	Đạt
18	Hồ Thị Tường	Vy	20/12/1990	Nữ	Kinh	Hành Tín Tây - Nghĩa Hành - Quảng Ngãi	Sư phạm Ngữ Văn	Cao đẳng	Chính quy	Trường Đại học Phạm Văn Đồng	11	64,19	70	0	134,19	Không đạt (Vắng)
19	Trần Thị	Yến	20/09/1989	Nữ	Kinh	Minh Hưng - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Ngữ Văn	Cao đẳng	Chính quy	Trường Cao đẳng sư phạm Bình Phước	11	69,6	69,6	45,25	229,7	Không đạt

Danh sách này có 19 thí sinh dự tuyển.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

UBND HUYỆN BÙ ĐĂNG
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ ĐIỂM TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
DỰ TUYỂN VÀO VỊ TRÍ VIỆC LÀM GIÁO VIÊN TIẾNG ANH THCS

(Kèm theo Thông báo số..76..../TB-HĐTDVC ngày..16..tháng..5...năm 2016)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm thực hành	Tổng điểm	Ghi chú
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13			
1	Hà Thanh	Du	09/02/1987	Nam	Tày	Đăng Hà - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Tiếng anh	Cao đẳng	Chính quy	Trường cao đẳng sư phạm Bình Phước	7	69,63	80	19	187,63	Không đạt
2	Lê Thị Kim Mỹ	Duyên	25/10/1991	Nữ	Kinh	Nghĩa Trung - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm tiếng anh	Cao đẳng	Chính Quy	Trường cao đẳng sư phạm Bình Phước	11	64,47	80	43	230,47	Không đạt
3	Trần Viết	Hải	10/10/1991	Nam	Kinh	Phú Sơn - Bù Đăng - Bình Phước	Tiếng anh thương mại (có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)	Cao đẳng	Chính quy	Trường đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương		66,6	66,6	30	193,2	Không đạt
4	Trương Thị	Hương	20/08/1994	Nữ	Kinh	Eatol - Krông Năng - Đắk Lắk	Tiếng anh (có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)	Cao đẳng	Chính quy	Trường Cao đẳng sư phạm Đắk Lắk	11	73	73	35	216	Không đạt
5	Nguyễn Thị Xuân	Kiều	01/11/1992	Nữ	Kinh	Đoàn Kết - Bù Đăng - Bình Phước	Tiếng anh thương mại (có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)	Cao đẳng	Chính quy	Trường cao đẳng nghề Việt Mỹ	11	66	65	63,5	258	Đạt
6	Lê Thị Bích	Liên	24/81994	Nữ	Kinh	Văn Xá - Kim Bảng - Hà Nam	Sư phạm Tiếng anh	Cao đẳng	Chính quy	Trường Cao đẳng sư phạm Hà Nam	11	66	82,5	32,875	214,25	Không đạt
7	Lê Thị	Nguyệt	26/08/1994	Nữ	Kinh	Gia Viễn - Cát Tiên - Lâm Đồng	Sư phạm Tiếng anh	Cao đẳng	Chính quy	Trường cao đẳng sư phạm Trung ương TP Hồ Chí Minh	11	67,7	67,7	50,5	236,4	Đạt
8	Trần Thị	Oanh	10/05/1991	Nữ	Kinh	Nghĩa Bình - Bù Đăng - Bình Phước	Tiếng anh (có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)	Cao đẳng	Chính quy	Trường Cao đẳng sư phạm Nghệ An	11	62	62	8,875	141,75	Không đạt
9	Nguyễn Thị	Thắm	04/01/1993	Nữ	Kinh	Đak Nhau - Bù Đăng Bình Phước	Sư phạm Tiếng anh	Cao đẳng	Chính quy	Trường cao đẳng sư phạm Bình Phước	11	67,54	65	37	206,54	Không đạt
10	Trần Thị Hồng	Thắm	25/07/1993	Nữ	Kinh	Đức Phong - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Tiếng anh	Cao đẳng	Chính quy	Trường cao đẳng sư phạm Bình Phước	11	66,25	80	21,5	189,25	Không đạt

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm thực hành	Tổng điểm	Ghi chú
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13			
11	Đỗ Thị Phương	Thảo	02/11/1994	Nữ	Kinh	Đak Nhau - Bù Đăng Bình Phước	Sư phạm Tiếng anh	Cao đẳng	Chính quy	Trường cao đẳng sư phạm Bình Phước	11	67,17	75	22,5	187,17	Không đạt
12	Vy Thị	Thảo	10/01/1993	Nữ	Nùng	Phước Sơn - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Tiếng anh	Cao đẳng	Chính quy	Trường cao đẳng sư phạm Bình Phước	7;11	65,52	70	20,5	176,52	Không đạt
13	Nguyễn Thị	Thiên	01/08/1994	Nữ	Kinh	Minh Hưng - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Tiếng anh	Cao đẳng	Chính quy	Trường cao đẳng sư phạm Bình Phước	11	67,42	65	37,5	207,42	Không đạt
14	Nguyễn Thị Thanh	Trà	15/02/1993	Nữ	Kinh	Minh Hưng - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Tiếng anh	Đại học	Chính quy	Trường đại học Quy Nhơn	11	66,4	66,4	36,5	205,8	Không đạt
15	Nguyễn Thị Kiều	Trang	18/12/1994	Nữ	Kinh	Lộc Hiệp - Lộc Ninh - Bình Phước	Sư phạm Tiếng anh	Cao đẳng	Chính quy	Trường cao đẳng sư phạm Bình Phước	11	71,84	85	53,25	263,34	Đạt
16	Nguyễn Thị Huyền	Trang	08/10/1993	Nữ	Kinh	Tam Giang - Krông Năng - Đắk Lắk	Sư phạm Tiếng anh	Đại học	Chính quy	Trường đại học ngoại ngữ - đại học huế	11	71.7	71,7	41	225,4	Không đạt
17	Doanh Thị Đoan	Trang	30/06/1993	Nữ	Tày	Đường 10 - Bù Đăng - Bình Phước	Ngôn ngữ Anh (có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)	Đại học	Chính quy	Trường đại học tài chính - Marketing	7;11	62,97	50	35	182,97	Không đạt
18	Phan Thị Hoài	Trang	10/04/1991	Nữ	Kinh	Bình Minh - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm tiếng anh	Cao đẳng	Chính Quy	Trường đại học Hà Tĩnh	11	67,3	67,3	46	226,6	Không đạt
19	Lê Thị	Vân	16/7/1983	Nữ	Kinh	Đức Phong - Bù Đăng - Bình Phước	Tiếng anh (có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)	Đại học	Chính Quy	Trường Đại học Bình Dương	5,11	72	72	40	224	Không đạt

Danh sách này có 19 thí sinh.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

UBND HUYỆN BÙ ĐĂNG
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ ĐIỂM TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
DỰ TUYỂN VÀO VỊ TRÍ VIỆC LÀM GIÁO VIÊN TOÁN THCS

(Kèm theo Thông báo số...76..../TB-HĐTDVC ngày..16..tháng..5...năm 2016)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm thực hành	Tổng điểm	Ghi chú
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Nguyễn Văn	Đảm	20/06/1991	Nam	Kinh	Giao Thịnh - Giao Thủy - Nam Định	Sư phạm Toán học	Đại học	Chính quy	Trường đại học Tây Bắc		73,6	73,6	98	343,2	Đạt
2	Nguyễn Tấn	Điệp	29/8/1992	Nam	Kinh	Đak Nhau - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	Chính quy	Trường Đại học Quảng Nam		80,99	90	50,5	271,99	Đạt
3	Võ Hồng	Hạnh	11/05/1992	Nữ	Kinh	TP Buôn Ma Thuột - Đắk Lắk	Sư phạm Toán học	Đại học	Chính Quy	Trường Đại học Tây Nguyên	11	77,3	77,3	0	154,6	Không đạt (Vắng)
4	Lê Xuân	Hòa	20/04/1991	Nam	Kinh	Eaning - Cư Kuin - Đắk Lắk	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	Chính quy	Trường Cao đẳng sư phạm Đắk Lắk		75,3	75,3	50	250,6	Đạt
5	Nguyễn Thị	Huệ	29/11/1988	Nữ	Kinh	Thống Nhất - Bù Đăng - Bình Phước	Cử nhân Toán - tin (có Chứng chỉ bồi dưỡng sư phạm bậc II)	Đại học	Chính quy	Trường Đại học khoa học Thái Nguyên	11	73,8	90	42	247,8	Không đạt
6	Bùi Văn	Hưng	15/07/1991	Nam	Kinh	Đoàn Kết - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	Chính quy	Trường cao đẳng sư phạm Bình Phước		69,7	69,7	62	263,4	Đạt
7	Đỗ Thị	Hương	10/08/1992	Nữ	Kinh	Thọ Sơn - Bù Đăng - Bình Phước	Cử nhân Toán học (có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)	Đại học	Chính quy	Trường Đại học Đà Lạt	11	63,2	63,2	40	206,4	Không đạt
8	Phan Đăng	Lân	02/7/1991	Nam	Kinh	Đồng Tiến - Đồng Phú - Bình Phước	Sư phạm Toán học	Đại học	Chính quy	Trường đại học Hà Tĩnh		60,32	70	28	186,32	Không đạt
9	Phùng Bích	Ngọc	04/09/1989	Nữ	Nùng	Tân Thành - Đồng Xoài - Bình Phước	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	Chính quy	Trường cao đẳng sư phạm Bình Phước	11	68	68	54,75	245,5	Đạt
10	Lê Thị Ánh	Nguyệt	23/03/1992	Nữ	Kinh	Kỳ Thịnh - Kỳ Anh - Hà Tĩnh	Sư phạm Toán học	Đại học	Chính quy	Trường đại học Hà Tĩnh	11	81,2	81,2	52,375	267,15	Đạt

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm thực hành	Tổng điểm	Ghi chú
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
11	Nguyễn Thị	Nguyệt	15/05/1994	Nữ	Kinh	Nam Bình - Đắk Song Đắk Nông	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	Chính quy	Trường Đại học Phú Yên	11	68,1	68,1	78	292,2	Đạt
12	Lê Anh	Phong	20/6/1993	Nam	Kinh	Phước Tín - Phước Long - Bình Phước	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	Chính quy	Trường đại học Hà Tĩnh		72,7	72,7	56,5	258,4	Đạt
13	Phạm Thị	Phượng	05/05/1994	Nữ	Kinh	Thanh Lương - Bình Long - Bình Phước	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	Chính quy	Trường Đại học Thủ Dầu Một	11	64	64	63,875	255,75	Đạt
14	Nguyễn Hà	Tâm	17/02/1985	Nam	Kinh	Hoằng Tân - Hoằng Hóa - Thanh Hóa	Sư phạm Toán học	Đại học	Chính quy	Trường Đại học Hồng Đức		77,5	80	36,625	230,75	Không đạt
15	Phùng Thanh	Thủy	27/02/1991	Nữ	Nùng	Thống Nhất - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	Chính quy	Trường cao đẳng sư phạm Bình Phước	7;11	66,7	66,7	51	235,4	Đạt
16	Chu Thị Huyền	Trang	01/03/1994	Nữ	Kinh	Bù Nho - Phú Riềng - Bình Phước	Sư phạm Toán học	Cao đẳng	Chính quy	Trường Đại học Thủ Dầu Một	11	63,8	63,8	0	127,6	Không đạt (Vắng)

Danh sách này có 16 thí sinh.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH

UBND HUYỆN BÙ ĐĂNG - TỈNH BÌNH PHƯỚC

Nguyễn Thanh Bình